

Số: / BC– BQLKDL

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính quý III năm 2021

Thực hiện công văn số 1852/UBND ngày 11 tháng 03 năm 2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ.

Ban Quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh (viết tắt: Ban quản lý) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC:

- Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, Lãnh đạo ban đã ban hành các văn bản hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong địa bàn Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh.

- Phân công tối đa 30% cán bộ, viên chức làm việc tại trụ sở, số cán bộ, viên chức còn lại làm việc trực tuyến tại nhà nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành công việc, không tồn đọng công việc sau dịch bệnh.

2. Về kiểm tra cải cách hành chính:

- Theo kế hoạch công tác kiểm tra vào quý III năm 2021, nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên công tác kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính nội bộ được dời lại và sẽ được thực hiện trong thời gian sớm nhất.

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC:

- Về công tác tuyên truyền CCHC, Ban quản lý thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Cải cách thể chế: (đơn vị sự nghiệp không báo cáo)

2. Cải cách thủ tục hành chính:

2.1. Công bố, công khai TTHC:

a) Tham mưu công bố TTHC/danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

- Ban quản lý không có thẩm quyền tham mưu, giải quyết TTHC

b) Về công khai thủ tục hành chính:

- Ban quản lý không ban hành các TTHC nhưng thực hiện tuyên truyền đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp bằng việc niêm yết công khai hướng dẫn truy cập vào Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh Khánh Hòa tại Bảng niêm yết và trên website của đơn vị (<https://bqlbdcr.khanhhoa.gov.vn/>)

c) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

- Trong quý III năm 2021, các thủ tục, hồ sơ đều được giải quyết nhanh gọn, đảm bảo đúng quy trình mà vẫn đảm bảo được công tác phòng, chống dịch Covid-19.

d) Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị:

- Trong quý III năm 2021, Ban quản lý không nhận được công văn phản ánh, kiến nghị nào thuộc thẩm quyền xử lý.

- Trong website của Ban quản lý đăng tải rõ nội quy tiếp công dân (<https://bqlbdcr.khanhhoa.gov.vn/Home/BaiViet/131>)

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

- Ban quản lý là đơn vị sự nghiệp công lập, không thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Trong tháng 8 năm 2021, Ban quản lý đã tiến hành xác nhập Trung tâm dịch vụ Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh vào Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh. Hiện tại, số người làm việc tại Ban là 42 người, trong đó: biên chế sự nghiệp 24 người, hợp đồng theo nghị định 68/2000/NĐ-CP là 18 người.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Hiện tại, số lượng người làm việc tại Ban được bố trí đúng chức năng nhiệm vụ theo Quyết định số 33/QĐ-BQLKDL ngày 18/08/2021.

- Việc nâng lương thường xuyên cho cán bộ viên chức theo đúng thời gian quy định.

- Việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức hàng năm theo quy định, căn cứ việc thực hiện công tác CCHC chấm điểm thi đua khen thưởng từng cá nhân, đơn vị phòng.

- Công tác theo dõi, quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời trên phần mềm PSC HRM theo kế hoạch của UBND tỉnh tạo thuận lợi cho việc quản lý hồ sơ.

5. Cải cách tài chính công:

- Sau khi xác nhập Trung tâm dịch vụ Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh vào Ban quản lý Khu du lịch bán đảo Cam Ranh. Ban đã ban hành quyết định số 37/QĐ-BQLKDL ngày 31/8/2012 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021.

- Ban quản lý được ngân sách cấp theo cơ chế khoán chi hàng năm đảm bảo được nguồn chi lương cho cán bộ công chức, viên chức.

- Về tình hình quản lý và sử dụng tài sản công của đơn vị, Ban quản lý đã ban hành quyết định số 2C/QĐ-BQLKDL-NB ngày 17/05/2018 v.v ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ban quản lý khu du lịch bán đảo Cam Ranh. Ngoài ra, công tác mua sắm tài sản đều được thực hiện theo đúng Quy trình mua sắm tài sản cơ quan theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đã ban hành.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:

- Trong quý III năm 2021, Ban vẫn đang thực hiện theo đúng các kế hoạch đã đề ra từ đầu năm như: Kế hoạch số 65/KH-BQLKDL ngày 28/02/2021 v.v duy trì hoạt động trang thông tin điện tử Ban quản lý khu du lịch bán đảo Cam Ranh; Kế hoạch số 61/KH-BQLKDL v.v ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan và ứng dụng chính quyền số; Kế hoạch về việc Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng số 138/KH-BQLKDL ngày 10/3/2021.

- Tất cả thông tin đều được đăng tải kịp thời trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý với tên miền: <https://bqlbdcr.khanhhoa.gov.vn/>.

- Hiện tại, các văn bản đến và đi đều được thực hiện trên phần mềm E-office nhưng kèm gửi song song văn bản giấy đến các Nhà đầu tư trong khu du lịch bắc bán đảo Cam Ranh.

Các tài khoản thư điện tử công vụ được cấp cho cán bộ công chức, viên chức và đơn vị phòng được thực hiện chủ yếu trong việc thông tin nhanh đến các nhà đầu tư trong dự án.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC:

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG NĂM TỚI:

1. Tiếp tục thực hiện kế hoạch CCHC của tỉnh số 3595/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa và kế hoạch số 02/QĐ-BQLKDL ngày 28/01/2021 của BQL KDL bán đảo Cam Ranh.

2. Rà soát, bổ sung hoàn thiện dần các quy chế, quy định đã ban hành và đánh giá kết quả đạt được.

3. Thực hiện công tác tuyên truyền về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy Ban.

4. Tiếp tục hướng dẫn, cập nhật kiến thức và kỹ năng soạn thảo, rà soát, kiểm tra văn bản cho cán bộ, viên chức nhân viên trong Ban.

5. Áp dụng, thực hiện các thủ tục CCHC nhằm đơn giản hóa, đảm bảo tính thống nhất, tạo thuận lợi cho các Nhà đầu tư, đáp ứng mục tiêu quản lý Nhà nước.

6. Rà soát công tác quy hoạch cán bộ viên chức, thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo triệu tập của cấp trên, đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với cán bộ viên chức theo quy định hiện hành.

7. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác CCHC.

8. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện những tiêu chí trong năm 2020 chưa đạt được.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở Nội vụ tỉnh KH;
- Sở TT&TT tỉnh KH;
- Sở Tư pháp tỉnh KH;
- Sở KH&CN tỉnh KH;
- Sở Tài chính tỉnh KH;
- Sở KHĐT tỉnh KH;
- VP UBND tỉnh KH;
- Lưu VT, TC (Li).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Loan

Phụ lục 2

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH BÁN ĐẢO CAM RANH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BQLKDL ngày / / 2021 của BQL KDL Bán đảo Cam Ranh)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC - 02/QĐ-BQLKDL ngày 28/01/2021 v.v ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021			- Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
1.2.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		- Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
1.3.	Kiểm tra CCHC - Vì tình hình dịch Covid-19 nên việc kiểm tra hoãn lại và sẽ thực hiện trong thời gian sớm nhất			- Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
1.3.1.	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra			
	- Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	- Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.3.2.	Xử lý sau kiểm tra			
	- Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	- Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4.	Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017	Tháng		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
1.5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			- VP UBND tỉnh báo cáo - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao
	- Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	18	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	14	
	- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của đơn vị mình			- Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (nếu có)
	- Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	- Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		- Đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC tỉnh - Các đơn vị khác (nếu có)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh
2.	Cải cách thể chế			- Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thông kê TTHC			- VP UBND tỉnh báo cáo số liệu của tỉnh - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số TTHC tham mưu công bố mới	Thủ tục		
	- Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.	Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó:	Thủ tục		- VP UBND tỉnh báo cáo số liệu của tỉnh - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	- Số TTHC cấp xã	Thủ tục		
3.3.	Công khai TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia			VP UBND tỉnh báo cáo
	- Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
	- Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.4.1	Thống kê quy trình nội bộ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh			- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo - VP UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu của tỉnh
3.4.1.1.	Số quyết định phê duyệt quy trình nội bộ	Quyết định		
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định		
	- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Quyết định		
3.4.1.2.	Số lượng quy trình nội bộ được phê duyệt	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	Quy trình		
	- Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Quy trình		
3.4.1.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.1.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hóa			
3.4.2.	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó:	Thủ tục		- VP UBND tỉnh báo cáo số liệu của tỉnh - Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	- Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.4.3.	Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó:	Thủ tục		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (bao gồm các cơ quan ngành dọc)
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
3.4.4.	Số TTHC cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó:	Thủ tục		- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo số liệu của tỉnh - Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (bao gồm các cơ quan ngành dọc)
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	- Số TTHC cho phép tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
3.4.5.	Thống kê TTHC cho phép thanh toán trực tuyến	Thủ tục		- Sở Nội vụ báo cáo số liệu của tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
3.4.6.	Kết quả giải quyết TTHC	Hồ sơ		- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (bao gồm các cơ quan ngành dọc) - VP UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh - Cơ quan ngành dọc
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp huyện báo cáo
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		- Sở Tài nguyên và Môi trường - UBND cấp huyện
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		- Sở Xây dựng - UBND cấp huyện
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đầu tư được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		- Sở Kế hoạch và Đầu tư - UBND cấp huyện
	- Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp)	%		- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - UBND cấp huyện
3.4.7.	Kết quả cung cấp dịch vụ công			
3.4.7.1.	Hồ sơ trực tuyến			- Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tổng hợp, báo cáo - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo (bao gồm các cơ quan ngành dọc)
	- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3	Hồ sơ		
	- Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4	Hồ sơ		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3	%		
	- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4	%		
3.4.7.2.	Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ BCCI			- Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo - Các cơ quan, đơn vị, địa phương (bao gồm các cơ quan ngành dọc)
	- Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	- Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
3.4.7.3.	Hồ sơ thanh toán trực tuyến			- Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo - Các cơ quan, đơn vị, địa phương (bao gồm các cơ quan ngành dọc)
	- Số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến	Hồ sơ		
	- Số tiền được thanh toán trực tuyến	Đồng		
3.4.7.4	Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Tin nhắn		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ báo cáo
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo
	- Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ báo cáo
	- Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		UBND cấp huyện báo cáo
	- Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh - UBND cấp huyện
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			- Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo - Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
	- Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
	- Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
	- Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	- Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			- Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo - Cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				báo cáo
	- Tổng số người làm việc được giao	Người	42	
	- Tổng số người làm việc có mặt	Người	42	
	- Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	- Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ báo cáo
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo
5.2.1.	Tuyển dụng công chức			
	- Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
	- Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.2.2.	Tuyển dụng viên chức			
	- Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		Các cơ quan, đơn vị, địa phương

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
	- Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		báo cáo
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo
	- Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh - Cơ quan ngành dọc
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		- Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh - Cơ quan ngành dọc
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		UBND cấp huyện
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)			Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo
	- Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		Sở Nội vụ báo cáo
	- Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo
	- Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
	- Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
6.	Cải cách tài chính công			- Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo - Các cơ quan, đơn vị, địa

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
				phương báo cáo
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 2		
7.5.	Công/trang thông tin điện tử	Công/trang		Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1		Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Cấp huyện	Chưa = 0 Có = 1		UBND cấp huyện báo cáo
	- Cấp xã	Công/trang		
7.6.	Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office)			- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo - Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó:			Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	- Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		
7.6.2.	Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó:	Chứng thư số, chữ ký số		Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo
	- Cấp tỉnh	Chưa = 0 Có = 1		Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo
	- Cấp huyện	Chưa = 0		UBND cấp huyện báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu	
		<i>Có = 1</i>		
	- <i>Cấp xã</i>	<i>Chứng thư số, chữ ký số</i>		
7.6.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó:	Văn bản	565	- Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo - Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo
	- <i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>	%		
	- <i>Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy</i>	%		
7.6.4.	Thư điện tử công vụ đang sử dụng. Trong đó:			
	- <i>Cấp tỉnh</i>	<i>Email</i>		<i>Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh báo cáo</i>
	- <i>Cấp huyện</i>	<i>Email</i>		<i>UBND cấp huyện báo cáo</i>
	- <i>Cấp xã</i>	<i>Email</i>		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh			Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo
	- Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	- Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		